

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung và cơ chế chính sách về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát triển bền vững toàn bộ diện tích rừng; quy định về phát triển cây xanh, cây trồng phân tán trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Thực hiện điểm g, h khoản 2 Điều 24 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15, số 95/2025/QH15, số 146/2025/QH15 và số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khoán bảo vệ rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, số 183/2025/NĐ-CP, số 227/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định 258/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số 176/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 và Tờ trình bổ sung số 266/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 về việc ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung và cơ chế chính sách về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát triển bền vững toàn bộ diện tích rừng; quy định về phát triển cây xanh, cây trồng phân tán trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 49/BC-KTNS ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 249/BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung và cơ chế chính sách về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát triển bền vững toàn bộ diện tích rừng; quy định về phát triển cây xanh, cây trồng phân tán trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định một số nội dung và cơ chế chính sách về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát triển bền vững toàn bộ diện tích rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội, bảo đảm tính thống nhất, liên thông của hệ sinh thái và gắn kết chặt chẽ với không gian sinh thái liên vùng.

2. Quy định việc quản lý và phát triển cây xanh đối với quỹ đất do cơ quan Nhà nước quản lý nhưng chưa giao, chưa cho thuê để phát triển không gian xanh; phát triển cây trồng phân tán trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát triển rừng bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các cấp được giao quản lý quỹ đất công trên địa bàn Thành phố; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc quản lý và phát triển cây xanh, cây trồng phân tán trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng, phát triển bền vững toàn bộ diện tích rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội phải tuân thủ, chấp hành đầy đủ chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và không trái với các quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Việc hỗ trợ phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng nội dung, đúng điều kiện, công khai, minh bạch, không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ khác từ ngân sách Nhà nước cho cùng một nội dung tại cùng một thời điểm. Trường hợp một đối tượng đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết và các văn

bản quy phạm pháp luật có liên quan về một nội dung thì được xem xét, lựa chọn cơ chế, chính sách, mức hỗ trợ cao nhất.

3. Các chính sách hỗ trợ phù hợp với quy định và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

4. Công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát triển rừng; phát triển cây xanh, cây trồng phân tán thực hiện thống nhất theo Quy hoạch tổng thể Thủ đô được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Việc phát triển cây xanh không làm thay đổi mục đích sử dụng đất dài hạn; không được hình thành công trình kiên cố hoặc tài sản cố định làm ảnh hưởng đến việc thu hồi đất và triển khai các dự án của Nhà nước theo quy hoạch được duyệt.

6. Đối với diện tích cây xanh tập trung có quy mô liên khoảnh, liên vùng từ 0,3 ha trở lên, chiều cao trung bình của cây từ 5,0 m trở lên, độ tàn che từ 0,1 trở lên được cập nhật để tính tỷ lệ che phủ rừng toàn Thành phố.

Chương II

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VỀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TOÀN BỘ DIỆN TÍCH RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Điều 4. Quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát triển rừng bảo đảm tính thống nhất, liên thông của hệ sinh thái và gắn kết chặt chẽ với không gian sinh thái liên vùng

1. Diện tích rừng và đất lâm nghiệp trong quy hoạch tổng thể Thủ đô được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật, bảo đảm mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững. Thành phố khuyến khích phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng; các hoạt động nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường theo quy định của pháp luật. Việc triển khai thực hiện phải phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững, đề án, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan. Đối tượng lập phương án quản lý rừng bền vững, đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng là chủ rừng theo quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 và đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng quản lý, bảo vệ, sử dụng, phát triển rừng và được giao đất, giao rừng theo quy định.

2. Thực hiện liên kết, phối hợp với các tỉnh, thành phố và khu vực giáp ranh nhằm bảo đảm quản lý, bảo vệ rừng thống nhất; duy trì tính liên kết của hệ sinh thái rừng liên vùng, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên và các giá trị môi trường, lịch sử, văn hóa; đồng thời phối hợp trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng, xử lý vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý tài nguyên rừng.

3. Đối với diện tích rừng Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê thuộc địa giới hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, khai thác, sử

dụng, phát triển, phòng cháy chữa cháy rừng và được tổ chức thực hiện khoán bảo vệ rừng theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết này.

4. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và các công nghệ hiện đại trong quản lý, giám sát tài nguyên rừng. Ngân sách Thành phố bảo đảm kinh phí thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ ứng dụng khoa học, công nghệ số trong quản lý rừng, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 5. Quản lý, bảo vệ và sử dụng đối với rừng đặc dụng, phòng hộ sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao về Thành phố quản lý

1. Việc quản lý diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ được chuyển giao về Thành phố quản lý phải bảo đảm thống nhất, toàn diện, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên và các giá trị môi trường, lịch sử, văn hóa gắn với phát triển bền vững vùng đệm, nâng cao sinh kế của cộng đồng dân cư, phát triển du lịch sinh thái, dịch vụ môi trường rừng và huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trong bảo vệ và phát triển rừng.

2. Đối với diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ được chuyển giao về Thành phố quản lý, các nội dung, hoạt động, cơ chế đang được thực hiện trước thời điểm chuyển giao tiếp tục được duy trì trong giai đoạn chuyển tiếp nhằm bảo đảm ổn định công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Sau khi tiếp nhận, cơ quan, đơn vị được giao quản lý có trách nhiệm rà soát, đánh giá toàn diện các nội dung đang thực hiện; trường hợp không còn phù hợp với quy định của pháp luật hoặc yêu cầu quản lý của Thành phố thì thực hiện điều chỉnh, bổ sung hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 6. Khoán bảo vệ rừng

1. Bên khoán: Đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 54/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng. Đối với bên khoán là đơn vị sự nghiệp công lập không phải đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Bên nhận khoán: Là hộ gia đình, cá nhân đang cư trú hợp pháp tại địa phương (xã, phường) theo quy định; cộng đồng dân cư theo quy định của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 tại địa phương (xã, phường).

3. Mức kinh phí khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ: Thực hiện theo điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 54/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

4. Phương thức khoán bảo vệ rừng, trách nhiệm nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện khoán bảo vệ rừng thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 52 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại các Nghị định số 168/2016/NĐ-CP, số 58/2024/NĐ-CP và số 42/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 7. Kinh phí công tác phòng cháy, chữa cháy rừng

1. Thành phố bảo đảm kinh phí cho công tác phòng cháy và chữa cháy rừng cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Ủy ban nhân dân cấp xã được giao trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo dự án, đề án, phương án, kế hoạch, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Mua sắm, sửa chữa phương tiện, trang thiết bị phục vụ phòng cháy và chữa cháy rừng; trực phòng cháy rừng ngoài giờ hành chính trong các tháng mùa khô và thời gian cao điểm dễ xảy ra cháy rừng theo quy định; tổ chức tuyên truyền, đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng; diễn tập chữa cháy rừng và các nội dung khác theo quy định.

2. Đối với lực lượng trực tiếp chữa cháy rừng và phục vụ chữa cháy rừng: Người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy rừng và phục vụ chữa cháy rừng theo lệnh điều động, huy động được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 45 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP.

3. Kinh phí thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy rừng quy định tại Điều này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước ngoài kinh phí được giao thực hiện tự chủ cho cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ PHÁT TRIỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ, CÂY TRỒNG PHÂN TÁN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 8. Về phát triển cây trồng phân tán

1. Khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tham gia trồng cây phân tán nhằm tăng tỷ lệ cây xanh, cải thiện cảnh quan, bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường xây dựng kế hoạch trồng cây phân tán trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch trồng cây hằng năm; Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức thực hiện kế hoạch trồng cây phân tán hằng năm trên địa bàn; thống kê, theo dõi, quản lý và bảo vệ cây trồng phân tán thuộc phạm vi quản lý.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, triển khai Kế hoạch trồng cây hằng năm của Ủy ban nhân dân các xã và tổng hợp kết quả thực hiện chung trên toàn Thành phố để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Thành phố bảo đảm nguồn kinh phí trồng cây phân tán hằng năm để triển khai thực hiện hiệu quả theo kế hoạch, tiếp nhận các nguồn hỗ trợ xã hội hóa để phát triển cây trồng phân tán trên địa bàn Thành phố. Đối với đối tượng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có đất và có nhu cầu trồng cây phân tán được hỗ

trợ kinh phí theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

Điều 9. Về phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội đối với quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý nhưng chưa giao, chưa cho thuê, đất chưa sử dụng

1. Căn cứ thời gian dự kiến trồng của quỹ đất để áp dụng các hình thức phát triển không gian xanh:

a) Đối với quỹ đất trồng có thời gian sử dụng tạm dưới 05 năm: Ưu tiên cải tạo thảm cỏ, trồng hoa ngắn ngày, bố trí chậu cây di động, sân chơi cộng đồng và các hạng mục công viên mở tạm thời, quảng trường xanh công cộng quy mô nhỏ; ưu tiên trồng cây bóng mát có khả năng di dời thuận lợi khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất.

b) Quỹ đất trồng trên 5 năm: Khuyến khích đầu tư công viên sinh thái kết hợp không gian mặt nước

2. Ưu tiên sử dụng các loại cây bản địa, cây có khả năng lọc bụi, hấp thụ tiếng ồn, thích nghi tốt với điều kiện khí hậu đô thị, dễ chăm sóc, có giá trị cảnh quan; lựa chọn chủng loại cây bóng mát bảo đảm an toàn giao thông và hạn chế gãy đổ trong mùa mưa bão.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện việc phát triển cây xanh đô thị theo quy định tại Điều này, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển cây xanh đô thị của Thành phố; quyết định phương thức, cách thức triển khai và phân công cơ quan, đơn vị thực hiện. Kinh phí thực hiện, quản lý, chăm sóc, duy trì cây xanh được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Nguồn kinh phí

1. Ngân sách thành phố Hà Nội theo phân cấp ngân sách nhà nước.
2. Nguồn vốn từ các chương trình, dự án của Trung ương; nguồn thu hợp pháp của chủ rừng; nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng; nguồn viện trợ, tài trợ, xã hội hóa, đóng góp hợp pháp của tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
3. Việc bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết căn cứ dự toán ngân sách hằng năm, kế hoạch đầu tư công, khả năng cân đối ngân sách và mức độ ưu tiên của từng nhiệm vụ, dự án, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:
 - a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả thực hiện theo quy định;

b) Thực hiện các quy định tại điểm d, đ khoản 3 Điều 33 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 trong quá trình tổ chức thi hành Nghị quyết này;

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc thay đổi trong các quy định của pháp luật, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội tuyên truyền và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết 54/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

Đối với chương trình, dự án, phương án, hợp đồng, nhiệm vụ đang thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định, văn bản phê duyệt, hợp đồng đã ban hành; trường hợp cần điều chỉnh để phù hợp với Nghị quyết này và pháp luật hiện hành thì thực hiện rà soát, điều chỉnh theo thẩm quyền.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận: SU

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của QH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Thành phố;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ VN TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐNDTP, UBNDTP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐNDTP;
- Trung tâm TT, DL&CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà